

## C. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 – TOÁN 8

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

TRƯỜNG ...

MÔN: TOÁN – LỚP 8

MÃ ĐỀ MT201

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

### PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất trong mỗi câu sau vào bài làm.

**Câu 1.** Biểu thức nào dưới đây **không phải** là đơn thức?

A.  $-\frac{1}{5}$ .

B.  $5x + 9$ .

C.  $x^3y^2$ .

D.  $x^2y$ .

**Câu 2.** Đa thức  $14x^2y - 21xy^2 + 28x^2y^2$  có nhân tử chung là

A.  $7y$ .

B.  $7xy$ .

C.  $7x$ .

D.  $7x^2y$ .

**Câu 3.** Biểu thức nào sau đây là phân thức?

A.  $\frac{x}{0}$ .

B.  $\frac{x+y}{\frac{1}{y}}$ .

C.  $\frac{x^2+y}{\frac{1}{2}y}$ .

D.  $\frac{1}{\frac{x^2-y^2}{xy}}$ .

**Câu 4.** Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. Hình chóp tam giác đều có 3 mặt.

B. Hình chóp tứ giác đều có 4 đỉnh.

C. Hình chóp tứ giác đều có đáy là hình thoi.

D. Hình chóp tam giác đều có 6 cạnh.

**Câu 5.** Một hình chóp tứ giác đều có cạnh đáy là  $a$  và độ dài trung đoạn là  $b$  thì có diện tích xung quanh là

A.  $S_{xq} = 2ab$ .

B.  $S_{xq} = ab$ .

C.  $S_{xq} = \frac{1}{2}ab$ .

D.  $S_{xq} = 4ab$ .

**Câu 6.** Cho tứ giác  $MNPQ$  có  $\widehat{N} = \widehat{M} + 10^\circ$ ,  $\widehat{P} = \widehat{N} + 10^\circ$ ,  $\widehat{Q} = \widehat{P} + 10^\circ$ . Số đo của  $\widehat{M}$

của tứ giác  $MNPQ$  là

- A.  $75^\circ$ .                      B.  $85^\circ$ .                      C.  $95^\circ$ .                      D.  $105^\circ$ .

**Câu 7.** Các dấu hiệu nhận biết sau, dấu hiệu nào **không đủ** để kết luận một hình vuông?

- A. Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình vuông.  
B. Hình thoi có một góc vuông là hình vuông.  
C. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc là hình vuông.  
D. Hình chữ nhật có một đường chéo là đường phân giác của một góc là hình vuông.

**Câu 8.** Trong các dãy dữ liệu sau đây, dữ liệu nào là số liệu liên tục?

- A. Số học sinh của mỗi lớp khối 8.  
B. Tên các bạn tổ 1 của lớp 8A.  
C. Tuổi nghề của các công nhân trong một phân xưởng.  
D. Nhiệt độ trung bình (độ C) của các ngày trong năm.

## PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

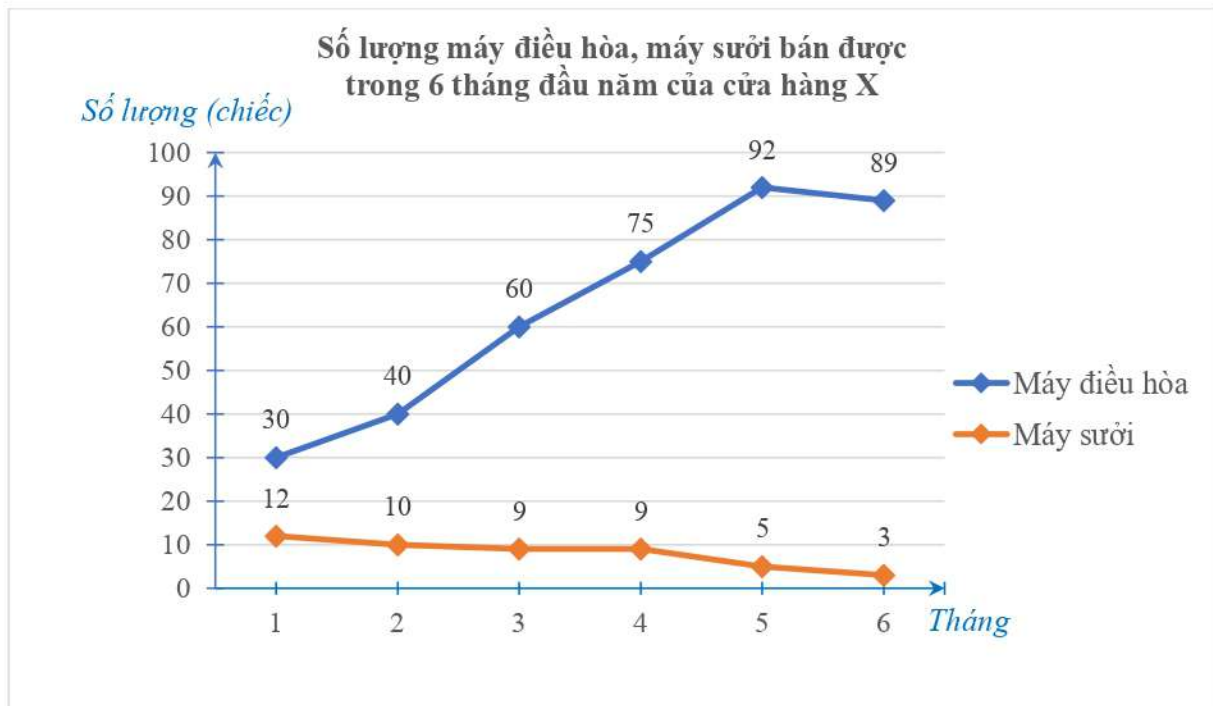
**Bài 1. (1,0 điểm)** Tìm  $x$ , biết:

a)  $(x-2)^2 - (x-3)(x+3) = 6$ .                      b)  $2x(x-3) - 5(3-x) = 0$ .

**Bài 2. (1,5 điểm)** Cho biểu thức  $P = \left( \frac{x+1}{x-1} - \frac{x-1}{x+1} + \frac{x^2-3x}{x^2-1} \right) \cdot \frac{x+4}{x}$ .

- a) Tìm điều kiện xác định của biểu thức  $P$ .  
b) Rút gọn biểu thức  $P$ .  
c) Tìm số nguyên  $x$  để  $P$  nhận giá trị nguyên.

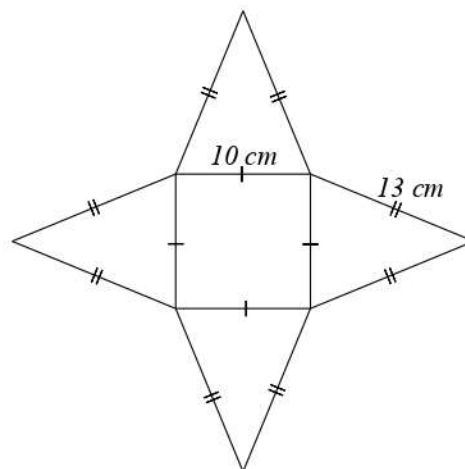
**Bài 3. (1,5 điểm)** Quan sát biểu đồ sau:



- a) Biểu đồ trên là biểu đồ gì? Biết rằng số lượng máy bán được mỗi loại được nhân viên cửa hàng báo cáo hàng tháng qua văn bản. Để biểu diễn được dữ liệu trong biểu đồ trên thì quản lí của cửa hàng X đã thu thập dữ liệu bằng phương pháp trực tiếp hay gián tiếp?
- b) Trong 6 tháng đầu năm, số máy điều hòa cửa hàng X bán được nhiều hơn (hay ít hơn) máy sưởi bao nhiêu chiếc?
- c) Trong tình huống nếu số lượng máy bán được trong hai tháng liên tiếp ít hơn 9 chiếc thì cửa hàng sẽ ngừng kinh doanh mặt hàng đó sau 6 tháng kinh doanh. Hãy cho biết đó có thể là mặt hàng nào?

**Bài 4. (3,5 điểm)**

1. Tính diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều được gấp từ miếng bìa có kích thước như hình bên.



2. Cho hình bình hành  $ABCD$  có  $BC = 2AB$ . Gọi  $M, N$  lần lượt là trung điểm của  $BC, AD$ .

- a) Chứng minh tứ giác  $MBND$  là hình bình hành.
- b) Gọi  $P$  là giao điểm của  $AM$  và  $BN$ ,  $Q$  là giao điểm của  $CN$  và  $DM$ . Chứng minh tứ giác  $PMQN$  là hình chữ nhật.
- c) Tính diện tích của tứ giác  $PMQN$ , biết  $AB = 2$  cm,  $\widehat{MAD} = 30^\circ$ .

**Bài 5. (0,5 điểm)** Cho  $a^3 + b^3 + c^3 = 3abc$  và  $a + b + c \neq 0$ . Tính giá trị của biểu thức:

$$N = \frac{a^2 + b^2 + c^2}{(a + b + c)^2}.$$

-----**HẾT**-----